

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

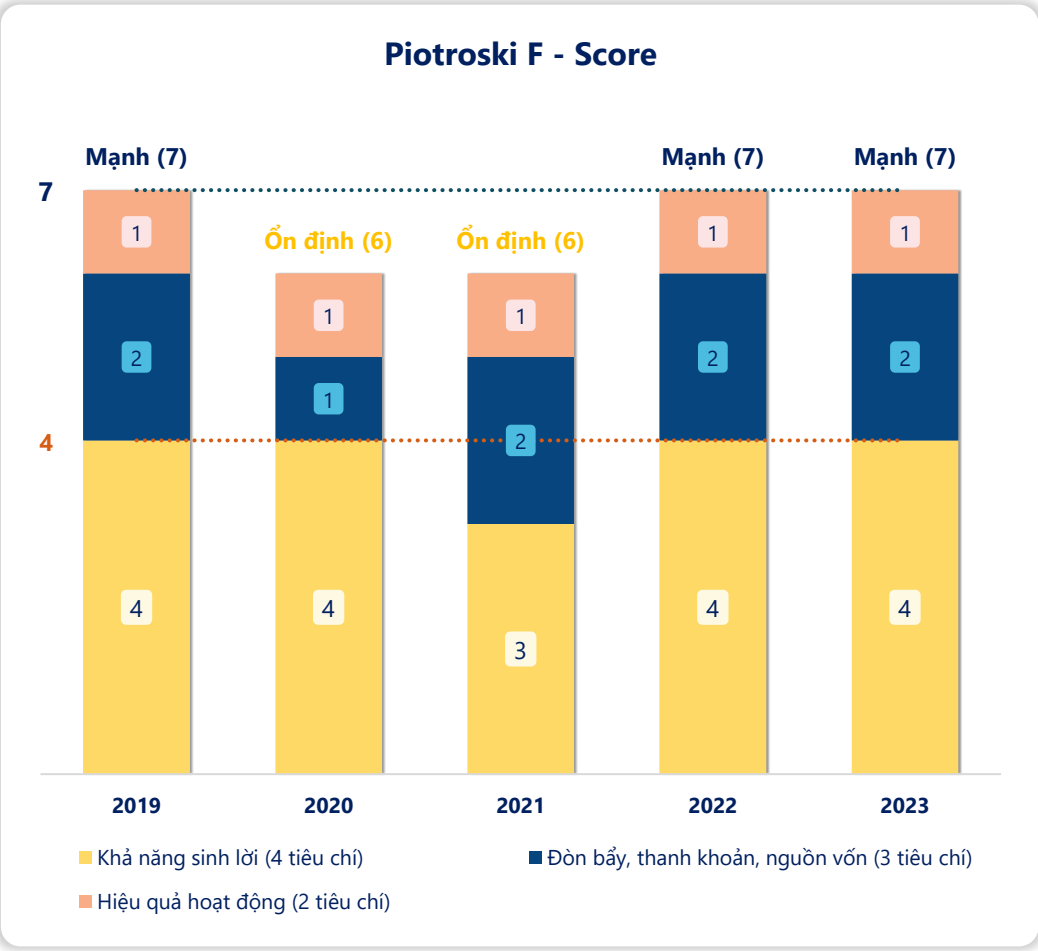
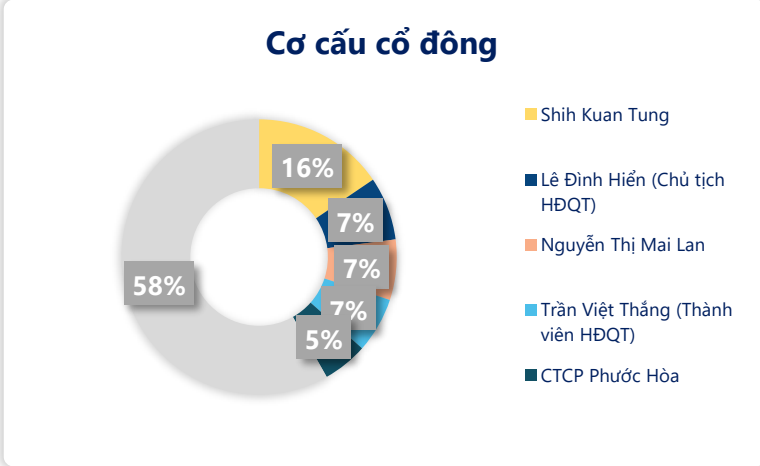
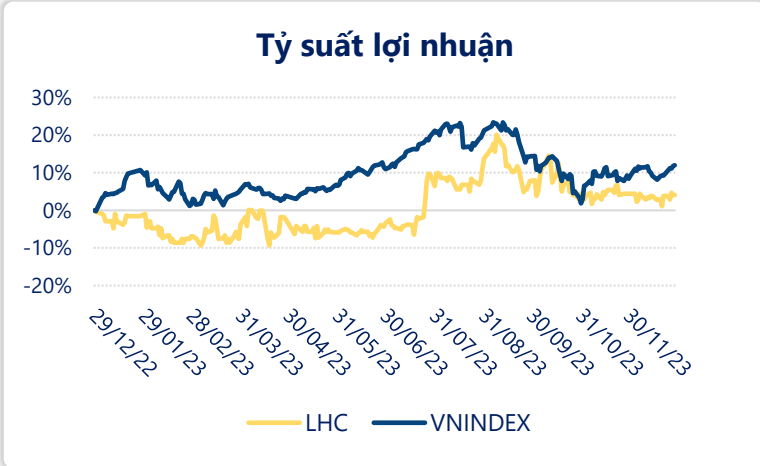
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	52,600 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.7%	-1.9%	11.4%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	7/9
2023	(Mạnh)

DT thuần	2023
1,119	YoY
tỷ VNĐ	▼ 298
	▼ 21.0%

LN sau thuế	2023
126	YoY
tỷ VNĐ	▲ 9.00
	▲ 8.1%

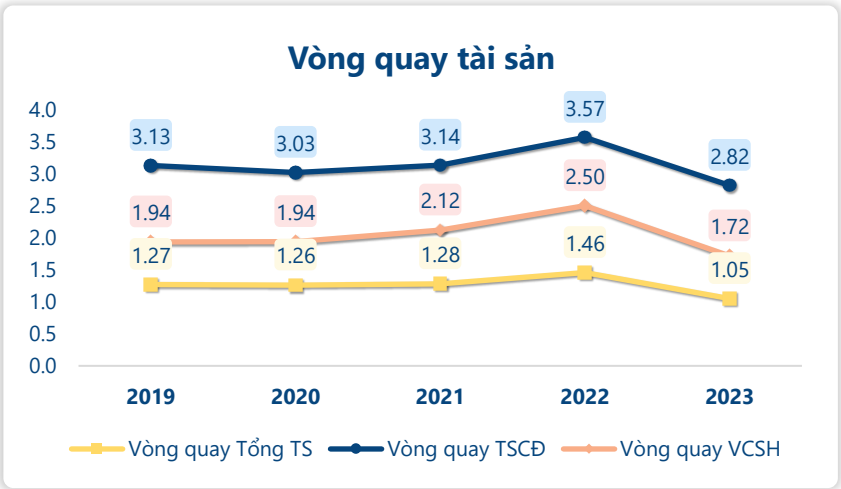
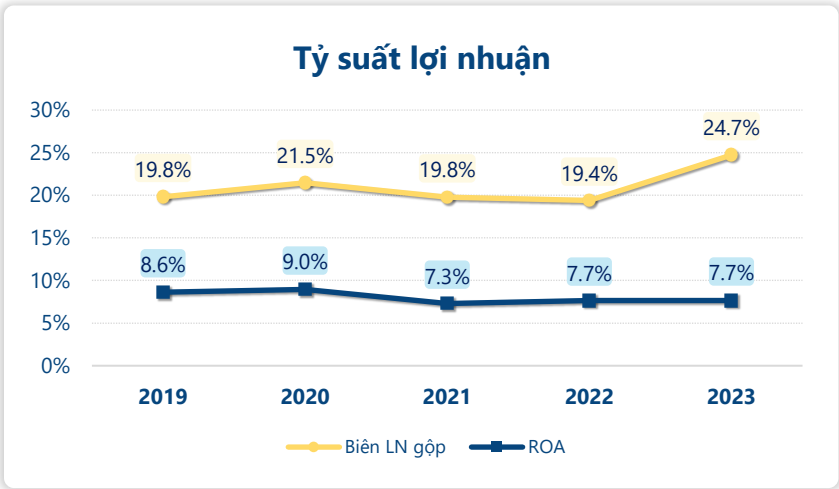
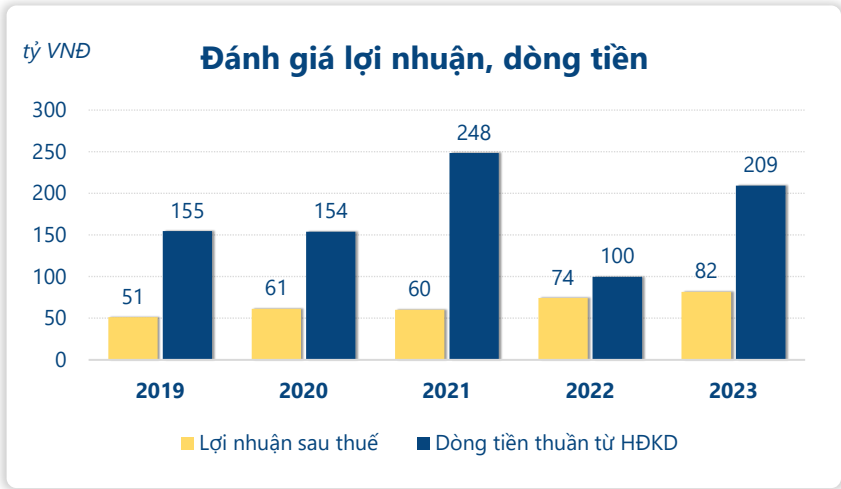


Năm 2023, F-Score của LHC đạt 7/9 không đổi so với năm trước cho thấy sức khỏe tài chính ổn định và được đánh giá "mạnh".

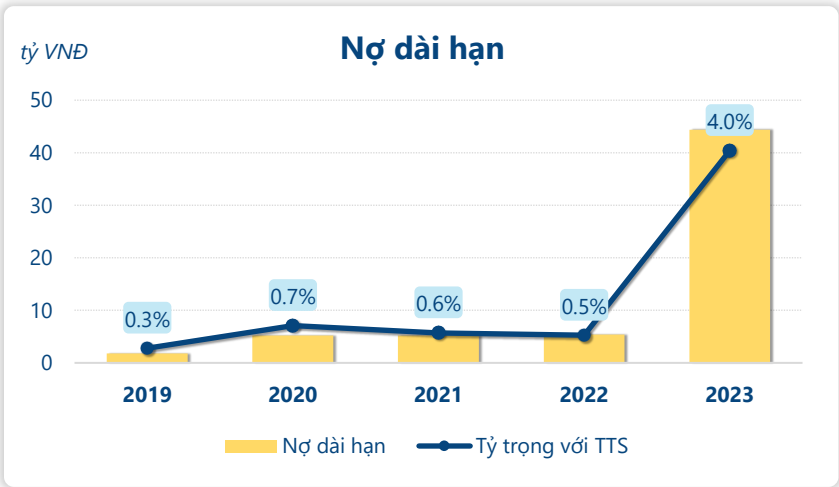
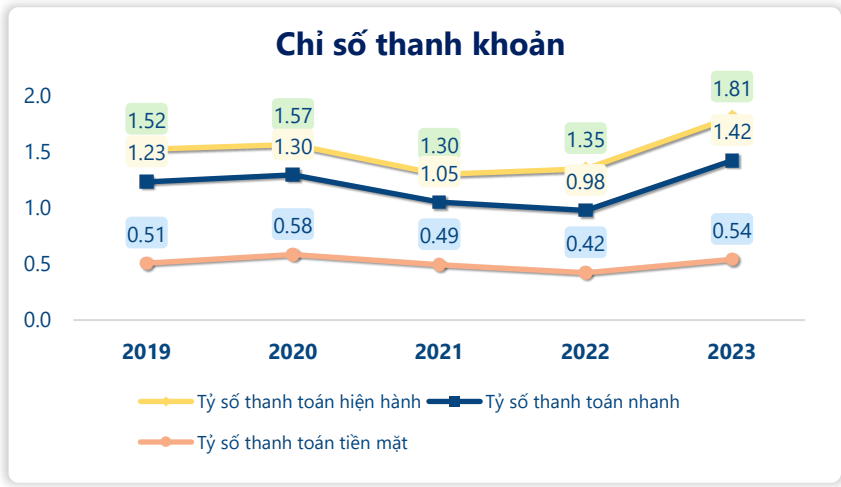
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 4/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không thay đổi vẫn ở mức 2/3 điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của LHC: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Tỷ số thanh toán hiện hành tăng phản ánh sự cải thiện của công ty trong quản lý dòng tiền để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn một cách hiệu quả hơn. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,094	1,031	6.1%
Tài sản ngắn hạn	658	558	18.0%
Tiền và tương đương tiền	169	174	-3.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.0	0	
Phải thu ngắn hạn	312	223	40.0%
Hàng tồn kho	142	154	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.52	7.20	4.6%
Tài sản dài hạn	436	473	-7.8%
Phải thu dài hạn	3.09	2.32	32.8%
Tài sản cố định	369	424	-13.0%
Bất động sản đầu tư	1.73	1.79	-3.4%
Tài sản dở dang	38.8	18.4	110%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	23.4	26.3	-11.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	406	418	-2.8%
Nợ ngắn hạn	362	413	-12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.0	35.5	12.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.1	80.1	-26.2%
Nợ dài hạn	44.4	5.41	721%
Vay và nợ thuê dài hạn	39.0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	688	613	12.3%
Vốn chủ sở hữu	688	613	12.3%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	758	867	1,055	1,417	1,119
Giá vốn hàng bán	607	681	846	1,142	842
Lợi nhuận gộp	150	186	209	275	277
Doanh thu HĐTC	2.03	2.81	2.22	2.74	5.90
Chi phí TC	0.41	0.28	0.66	1.45	4.67
Chi phí lãi vay	0.30	0.10	0.12	1.10	4.30
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.08	2.34	2.66	3.34	3.16
Chi phí QLDN	64.9	76.5	100	131	119
LN thuần từ HĐKD	82.9	110	107	141	156
Lợi nhuận khác	16.0	0.84	2.49	6.81	5.42
LN trước thuế	98.9	111	110	148	161
Lợi nhuận sau thuế	78.0	90.7	89.3	117	126
LNST của CĐ cty mẹ	51.4	61.4	60.0	74.4	81.7

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	155	154	248	99.8	209
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-106	-87.1	-162	-128	-180
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.1	-29.9	-43.2	11.8	-5.84
Tiền đầu kỳ	84.7	111	148	191	174
Lưu chuyển tiền thuần	26.7	36.9	43.1	-16.8	22.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	-0.10	-0.17	-0.01
Tiền cuối kỳ	111	148	191	174	197